

BÁO CÁO

**Công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện
dự toán ngân sách địa phương năm 2024**

Thực hiện Nghị quyết số 125/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, kỳ họp thứ 10 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 và Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, kỳ họp thứ 10 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc ban hành những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh năm 2024, cụ thể như sau:

- **Dự toán thu ngân sách nhà nước.....11.100 tỷ đồng.**
 - + Thu nội địa 9.900 tỷ đồng.
 - + Thu xuất nhập khẩu 1.200 tỷ đồng.
- **Dự toán thu ngân sách địa phương (NSDP)11.158,5 tỷ đồng.**
 - + Thu cân đối NSDP 10.288,0 tỷ đồng.
 - + Thu NSTW bổ sung các CT mục tiêu, nhiệm vụ:..... 870,5 tỷ đồng.
- **Dự toán chi ngân sách địa phương11.169,6 tỷ đồng.**
 - + Chi cân đối NSDP:10.299,1 tỷ đồng.
 - + Chi các CT mục tiêu, nhiệm vụ: 870,5 tỷ đồng.
- **Bội chi ngân sách địa phương.....11,1 tỷ đồng.**

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2024 như sau:

I. VỀ THU NSNN (Kèm theo biểu số 01, Phụ biểu: 1.1, 1.2)

Ước thực hiện tổng thu NSNN trên địa bàn 12.249,8 tỷ đồng, đạt 110,4% dự toán, tăng 6,5% cùng kỳ, gồm:

1. Phân theo nguồn thu

- Thu nội địa 10.449,8 tỷ đồng, đạt 105,6% dự toán, tăng 6,2% cùng kỳ.
- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 1.800 tỷ đồng, đạt 150% dự toán, tăng 8,3% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố (Tính riêng thu nội địa)

- Khối Tỉnh: 7.583,7 tỷ đồng, đạt 104,6% dự toán, tăng 12,2% cùng kỳ;
 - Khối Huyện: 2.866,1 tỷ đồng, đạt 108,2% dự toán, giảm 6,9% cùng kỳ;
- trong đó: 09/9 huyện, thị xã, thành phố đều đạt và vượt dự toán.

II. VỀ CHI NSDP (Kèm theo biểu số 02, Phụ biểu số 2.1)

Ước thực hiện chi ngân sách địa phương: 13.529,2 tỷ đồng, đạt 121,1% dự toán, tăng 27,3% cùng kỳ, trong đó:

1. Phân theo nhiệm vụ chi

- Chi cân đối NSDP: 11.551,9 tỷ đồng, đạt 112,2% dự toán, tăng 24,2% cùng kỳ, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 4.036,3 tỷ đồng, đạt 114,3% dự toán, tăng 17,1% cùng kỳ;

+ Chi thường xuyên: 7.287,5 tỷ đồng, đạt 111,3% dự toán, tăng 25,5% cùng kỳ.

- Chi các CTMT, nhiệm vụ: 1.977,3 tỷ đồng, đạt 227,1% dự toán, tăng 49,4% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố

- Khối Tỉnh: 5.919,9 tỷ đồng, đạt 108% dự toán;

- Khối Huyện: 7.609,3 tỷ đồng, đạt 133,8% dự toán.

III. CÂN ĐỐI THU, CHI NSDP (Kèm theo biểu số 03)

1. Tổng thu NSDP 16.685,7 tỷ đồng.

- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết..... 10.012,1 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ NSTW..... 1.817,4 tỷ đồng.

+ *Bổ sung cân đối*..... 464,6 tỷ đồng.

+ *Bổ sung CT MTQG, CTMT, nhiệm vụ*..... 1.352,8 tỷ đồng.

- Thu kết dư ngân sách năm trước..... 48,4 tỷ đồng.

- Thu chuyển nguồn..... 4.807,8 tỷ đồng.

2. Tổng chi NSDP 16.713,9 tỷ đồng.

- Chi cân đối Ngân sách địa phương 11.551,9 tỷ đồng.

- Chi các CTMT, nhiệm vụ 1.977,3 tỷ đồng.

- Chi chuyển nguồn sang năm sau..... 3.184,7 tỷ đồng.

3. Bội chi (2-1) 28,2 tỷ đồng.

V. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN NSNN NĂM 2024

1. Kết quả đạt được

1.1. Về thu ngân sách

Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời từ các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các Sở, ban, ngành tỉnh với các huyện, thị xã, thành phố; quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo thu đúng, đủ theo quy định. Tổng thu NSNN trên địa bàn đạt và vượt so với dự toán, trong đó tổng thu nội địa đạt và vượt so với dự toán, vượt tiến độ.

Có 01 khoản thu thuế sử dụng đất nông nghiệp phát sinh tăng ngoài dự toán giao và 11/15 khoản thu nội địa đạt từ 100% trở lên so với dự toán, gồm: Thu từ DN có vốn ĐTNN đạt 118,6% dự toán, tăng 18,7% cùng kỳ; Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 109% dự toán, tăng 9,5% cùng kỳ; Thuế sử dụng đất phi nông

ng nghiệp đạt 120,1% dự toán, giảm 2,1% cùng kỳ; Thuế bảo vệ môi trường đạt 100,7% dự toán, tăng 9,9% cùng kỳ; Thu phí và lệ phí đạt 125,5% dự toán, tăng 12,2% cùng kỳ; Thu tiền thuê đất đạt 100,1%, tăng 14,6% cùng kỳ; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 101,9% dự toán, tăng 7,5% cùng kỳ; Thu khác ngân sách đạt 139,2% dự toán, giảm 2% cùng kỳ; Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích,... tại xã đạt 124,6% dự toán, giảm 11,8% cùng kỳ; Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế đạt 203,6% dự toán, tăng 11,6% cùng kỳ; Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 114,7% dự toán, tăng 1,7% cùng kỳ. Nguyên nhân một số nguồn thu tăng cao so dự toán và cùng kỳ chủ yếu là do có dấu hiệu phục hồi, một số hộ sản xuất, kinh doanh và các doanh nghiệp trọng điểm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế GTGT tăng (như: Công ty TNHH Sailun Việt Nam tăng 174 tỷ đồng, Công ty CP Mặt Trời tăng 65 tỷ đồng, Công ty TNHH Cocreation Grass Corporation Việt Nam tăng 53 tỷ đồng, Công ty TNHH Brotex Việt Nam tăng 36 tỷ đồng, Công ty CP Thành Thành Công Biên Hòa tăng 31 tỷ đồng, Công ty TNHH XNK TMCN Hùng Duy tăng 27 tỷ đồng,...); các khoản thu khác ngân sách tăng đột biến do thu phạt, tịch thu, Công ty CP Đầu Tư và Hạ Tầng KCN Tân Hội nộp trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng 6 tỷ đồng và Công ty TNHH MTV Minh Toàn nộp tiền chậm nộp (hoàn bù trừ) 16 tỷ đồng. Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tăng trưởng ổn định, các khó khăn, vướng mắc tiếp tục được tập trung tháo gỡ.

Có 09/9 huyện, thị xã, thành phố có số thu đạt trên 100% dự toán, gồm: Thành phố đạt 101,2%, Hòa Thành đạt 104,1%, Châu Thành đạt 104,6%, Dương Minh Châu đạt 114,2%; Trảng Bàng đạt 103,8%; Gò Dầu đạt 124,9%; Bến Cầu đạt 117%; Tân Biên đạt 110%, Tân Châu đạt 114,2%.

1.2. Về chi ngân sách

Thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển đạt 125,1% dự toán, tăng 14,9% cùng kỳ. Trong đó, chi từ nguồn cân đối NSDP đạt 114,3% dự toán, tăng 17,1% cùng kỳ; chi từ nguồn NSTW bổ sung đạt 178% dự toán, tăng 8,4% cùng kỳ. Đạt kết quả trên do có số giải ngân các dự án từ nguồn năm trước chuyển sang. Đối với chi đầu tư theo kế hoạch năm 2024, trong năm đã thực hiện được như sau: đến cuối quý I/2024 đã giao chi tiết 100% Kế hoạch HĐND tỉnh giao cho các dự án sử dụng vốn tỉnh quản lý và giao mức vốn hỗ trợ mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố để các đơn vị chủ động chuẩn bị hồ sơ trình cấp thẩm quyền giao chi tiết đến từng dự án; Thực hiện Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh, đã thành lập Tổ công tác thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công của tỉnh (do Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính chủ trì) làm việc với các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân thấp hơn mức bình quân chung của tỉnh nhằm đôn đốc, kiểm tra, giám sát, xử lý các vướng mắc cụ thể của từng dự án, quyết tâm hoàn thành các mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công đã đề ra; UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2024, trong đó bổ sung các dự án mới, quan trọng, có tính chất lan tỏa góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.



- Chi thường xuyên đảm bảo các nhu cầu chi theo dự toán, các lĩnh vực chi đạt vượt so dự toán, cụ thể: sự nghiệp kinh tế đạt 102,7%; sự nghiệp môi trường đạt 102,2%; sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề đạt 116,9%; sự nghiệp y tế đạt 103,1%; sự nghiệp văn hóa đạt 105,2%; sự nghiệp phát thanh truyền hình đạt 114,9%; sự nghiệp thể dục thể thao đạt 103,4%; sự nghiệp KH-CN đạt 103,1%; đảm bảo xã hội đạt 102,3%; quản lý hành chính đạt 118,9%;... Công tác quản lý, điều hành chi ngân sách địa phương đảm bảo theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và trong phạm vi dự toán ngân sách được giao. Các đơn vị được giao quyền tự chủ về tài chính, sử dụng kinh phí tự chủ đúng quy định. Chủ động tăng cường thực hiện việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và tài sản công theo quy định.

2. Khó khăn, hạn chế

2.1. Về thu ngân sách

Trong năm 2024, mặc dù nhiều ngành, lĩnh vực tiếp tục xu hướng phục hồi và có triển vọng tích cực; nhiều chính sách, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đã và đang phát huy hiệu quả. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn những tồn tại, hạn chế và gặp nhiều khó khăn, thách thức khó lường làm ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước và thực hiện các quy định về miễn, giảm thuế. Có 4/15 khoản thu dưới 100% so với dự toán, gồm: Thu từ DNNN đạt 95,2% dự toán, giảm 1,7% cùng kỳ; Lệ phí trước bạ đạt 88,8%, tăng 2,3% cùng kỳ; Thuế thu nhập cá nhân đạt 94,7% dự toán, tăng 4,2% cùng kỳ; Thu tiền sử dụng đất đạt 73,7%, giảm 8,4% cùng kỳ. Nguyên nhân một số nguồn thu không đạt chủ yếu do chưa thực hiện được các dự án đấu giá quyền sử dụng đất cấp tỉnh; thu từ thuế GTGT các doanh nghiệp trọng điểm của khu vực DNNN còn thấp và một số doanh nghiệp trọng điểm tại khu vực này nộp giảm so với cùng kỳ (do tác động của chính sách giảm thuế suất thuế GTGT từ 10% xuống 8%; ảnh hưởng từ chênh lệch giá mua và giá bán năng lượng điện từ đó Công ty Điện lực Tây Ninh có số thuế phát sinh giảm mạnh, Công ty CP Chế biến - XNK Gỗ Tây Ninh sản lượng tiêu thụ giảm,...); nhu cầu mua sắm, chuyển nhượng bất động sản tại địa phương còn thấp so với kỳ vọng, thị trường bất động sản chưa có dấu hiệu phục hồi, số lượng hồ sơ giao dịch mua bán, chuyển nhượng bất động sản còn thấp, không đạt tiến độ dự toán.

2.2. Về chi ngân sách

Mặc dù, ước thực hiện chi đầu tư phát triển theo kế hoạch năm 2024 đạt vượt dự toán, tuy nhiên ước thực hiện chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất còn thấp (đạt 48% dự toán, giảm 25% cùng kỳ). Nguyên nhân đạt thấp chủ yếu do nguồn thu tiền sử dụng đất đạt thấp làm ảnh hưởng chi đầu tư phát triển của địa phương.

3. Về cân đối ngân sách

Nhìn chung, chi ngân sách địa phương được đảm bảo từ nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng, thu bổ sung từ ngân sách Trung ương đã cơ bản đảm bảo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên theo nhiệm vụ dự toán được giao, thực hiện tốt chỉ đạo, chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy trong công tác điều hành ngân sách, cắt giảm các khoản chi chưa thật sự cần thiết, tập trung nguồn

lực để chi đầu tư, phục vụ tốt hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước, các cơ quan đảng, đoàn thể, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

(Kèm Biểu mẫu số 59, 60, 61/CK-NSNN)

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2024./.

Nơi nhận:

- TT: TU, HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính (Đăng Cổng thông tin điện tử STC);
- Trung tâm CBTH (Đăng Cổng thông tin điện tử tỉnh TN);
- LĐVP; PKT;
- Lưu: VT. VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thắng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 562 /BC-UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	11.100.000	16.433.124	148,0%	149,4%
I	Thu cân đối NSNN	11.100.000	12.249.815	110,4%	111,4%
1	Thu nội địa	9.900.000	10.449.815	105,6%	108,9%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.200.000	1.800.000	150,0%	128,6%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		4.183.310		
B	TỔNG CHI NSDP	11.169.584	13.529.173	121,1%	119,8%
I	Chi cân đối NSDP	10.299.041	11.551.876	112,2%	124,2%
1	Chi đầu tư phát triển	3.530.122	4.036.320	114,3%	117,1%
2	Chi thường xuyên	6.544.897	7.287.531	111,3%	125,5%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.100	1.100	100,0%	155,9%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	3.000	300,0%	300,0%
5	Dự phòng ngân sách	213.870	223.925	104,7%	485,2%
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	870.543	1.977.297	227,1%	149,4%
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	11.100	28.231	254,3%	53,9%
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	0	0		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 562/BC-UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	11.100.000	12.249.815	110,4%	106,5%
I	Thu nội địa	9.900.000	10.449.815	105,6%	106,2%
1	Thu từ khu vực DNNN	345.000	328.505	95,2%	98,3%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.473.000	1.746.567	118,6%	118,7%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.100.000	2.288.750	109,0%	109,5%
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.230.000	1.164.328	94,7%	104,2%
5	Thuế bảo vệ môi trường	415.000	417.720	100,7%	109,9%
6	Lệ phí trước bạ	455.000	404.057	88,8%	102,3%
7	Thu phí, lệ phí	451.000	565.859	125,5%	112,2%
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.270.000	998.492	78,6%	164,8%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		609		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20.000	24.026	120,1%	97,3%
-	Thu tiền sử dụng đất	1.050.000	773.717	73,7%	91,6%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	200.000	200.140	100,1%	114,6%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	22.000	22.410	101,9%	107,5%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	2.000	4.072	203,6%	111,6%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.900.000	2.179.458	114,7%	101,7%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	2.000	2.492	124,6%	88,2%
13	Thu khác ngân sách	235.000	327.105	139,2%	98,0%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.200.000	1.800.000	150,0%	108,3%
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu				
2	Thuế xuất khẩu				
3	Thuế nhập khẩu				
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu				
6	Thu khác				
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	9.531.435	10.012.053	105,0%	
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%				

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 562/BC-UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP: (A) + (B)	11.169.584	13.529.173	121,1%	104,4%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	10.299.041	11.551.876	112,2%	104,3%
I	Chi đầu tư phát triển	3.530.122	4.036.320	114,3%	89,4%
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.530.122		0,0%	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	6.544.897	7.287.531	111,3%	113,7%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.702.994	3.158.681	116,9%	121,0%
2	Chi khoa học và công nghệ	35.049	36.136	103,1%	83,5%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	536.647	553.056	103,1%	106,5%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	113.942	119.841	105,2%	122,6%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	76.409	87.819	114,9%	144,1%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	39.124	40.463	103,4%	117,9%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	136.026	139.065	102,2%	100,8%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	833.354	855.670	102,7%	100,3%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.098.525	1.306.361	118,9%	128,2%
10	Chi bảo đảm xã hội	497.168	508.683	102,3%	89,5%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.100	1.100	100,0%	141,0%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	3.000	300,0%	300,0%
V	Dự phòng ngân sách	213.870	223.925	104,7%	156,7%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	870.543	1.977.297	227,1%	104,8%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	195.288	237.687	121,7%	97,9%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	595.760	1.739.610	292,0%	105,8%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	79.495	0	0,0%	